

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-5-2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Ông Nguyễn Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - KSV

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Lý số: 48/2023/TLyST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Mai Văn C, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Chúc L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông C tự nguyện tìm hiểu rồi được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà

Ly xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn quá lớn, tình cảm không còn nên bà xin được Ly hôn với ông Mai Văn C.

Về con chung: bà L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên là Mai Thị Kiều H, sinh năm 1994, giới tính nữ và Mai Hữu Ly, sinh năm 2000 giới tính nam. Hiện nay hai con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 21/4/2023 và tại phiên tòa bị đơn ông Mai Văn C trình bày:*

Ông thống nhất Lyời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Nay bà L yêu cầu Ly hôn ông C không đồng ý Ly hôn vì còn thương vợ và xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải Ly hôn.

Về con chung: Hiện nay có 02 người con chung tên Lyà Mai Thị Kiều H, sinh năm 1994, giới tính nữ và Mai Hữu Ly, sinh năm 2000 giới tính nam. Hiện nay hai con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà L yêu cầu Ly hôn với ông C. Tòa án xác định quan hệ pháp Lyuật tranh chấp trong vụ án Lyà “Ly hôn”; Bị đơn ông Mai Văn C có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân*: bà L và ông C bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1990, ông bà chung sống là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn Lyà vi phạm Điều 9 của luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Trong quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà L xin Ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông C.

[2.2] *Về con chung*: bà L và ông C đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Lyà Mai Thị Kiều H, sinh năm 1994, giới tính nữ và Mai Hữu Ly, sinh năm 2000 giới tính nam. Hiện nay hai con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung: bà L và ông C xác định tài sản chung trong quá trình chung sống vợ chồng tự thỏa thuận. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà L và ông C xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không thiếu nợ chung. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà L chịu toàn bộ.

Vì các Lý lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Mai Văn C.

2 - Về con chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3- Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: bà L và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà L và ông C khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4- Án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Trúc L chịu 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002573 ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/5/2023)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Vinh